TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/05/2023.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- T**hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy; Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Ông Nguyễn Minh Đức – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: T, H, N, Hải Dương. Vắng mặt.

Bị đơn: Bà Mạc Thị L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: T, H, N, Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H tháng 5/1987 (cán bộ thực hiện đăng ký kết hôn cho ông là ông Trương, ông không nhớ rõ họ tên đầy đủ của ông đó) và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau đó ông bà chung sống với nhau ở T, H, N, Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông bà đã sống ly thân khoảng 10 năm. Nay ông xác định tình cảm không còn vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông ly hôn với bà L. Ông xác định trước đó đã được UBND xã H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng do bảo quản không cẩn thận nên không còn giữ được giấy nữa. Khi ông làm thủ tục ly hôn ông đã đến UBND xã H

để xin cấp lại nhưng được trả lời là UBND xã không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn của thời kỳ đó nên không thể cấp lại cho ông được.

Về con chung: Ông và bà L có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/1988 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 27/2/1992. Hiện nay cả hai con chung đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà Mạc Thị L trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống cùng nhau từ tháng 5/1987. Ông bà có đăng ký kết hôn ở UBND xã H và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nhưng do quá trình lưu giữ không cẩn thận nên không còn giữ được giấy. Cán bộ ở UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông bà là ông T1. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, gia đình hai bên đã nhiều lần cố gắng hoà giải động viên nhưng không thành. Bà và ông T đã sống ly thân được khoảng 10 năm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông T xin ly hôn, bà nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/1988 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 27/2/1992. Hiện nay cả hai con chung đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh với Trưởng thôn T và UBND xã H: Ông T, bà L chung sống như vợ chồng từ tháng 5/1987 và có hai con chung. Ông T bà L trình bày họ có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào khoảng tháng 5/1987, tuy nhiên tại UBND xã H chỉ lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1995 trở lại đây nên chưa có cơ sở để xác định ông T, bà L đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Thời kỳ năm 1987 có ông Vương Đình T1 là thư ký UBND xã H, ông Vương Đình C là Chủ tịch UBND xã tuy nhiên hai ông đó đã mất từ lâu. Về con chung: Ông T bà L có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/1988 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 27/2/1992. Các con chung của ông T, bà L đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Theo Phòng tư pháp – UBND huyện N cung cấp: Phòng tư pháp đã rà soát, kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã H lưu giữ tại Phòng Tư pháp thì không có thông tin, tài liệu về đăng ký kết hôn đối với trường hợp của ông

Nguyễn Văn T, bà Mạc Thị L theo yêu cầu xác minh của Toà án nhân dân huyện Nam Sách.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị quyết 35/2000 của Quốc Hội; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử không công nhân quan hệ vợ chồng giữa ông T, bà L. Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Mạc Thị L đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông T, bà L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà L tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống cùng nhau từ tháng 5/1987. Ông T, bà L trình bày ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã H và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nhưng do không cẩn thận nên không còn lưu giữ được giấy. Toà án tiến hành xác minh tại UBND xã H, thôn T xác định việc ông T, bà L chung sống như vợ chồng là đúng, hiện UBND xã H không còn lưu giữ được Sổ đăng ký kết hôn thời kỳ đó, cán bộ thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông T, bà L theo như lời khai của ông bà cũng đã mất. Toà án tiến hành xác minh tại Phòng tư pháp huyện N xác định không có thông tin, tài liệu về việc đăng ký kết hôn đối với trường hợp của ông Nguyễn Văn T, bà Mạc Thị L. Do đó không đủ cơ sở xác định ông T, bà L đã đăng ký kết hôn theo như ông T, bà L trình bày.

Quá trình ông T, bà L chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, hai ông bà đã sống ly thân khoảng 10 năm. Ông T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng bà L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà L cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy ông T, bà L chung sống như vợ chồng từ tháng 5/1987, không

đăng ký kết hôn, căn cứ quy định tại b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, căn cứ khoản vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Vì vậy, không công nhận ông Nguyễn Văn T bà Mạc Thị L là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Ông T, bà L có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/1988 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 27/2/1992. Hiện nay cả hai con chung đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, ông T, bà L không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà L không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Ông T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Mạc Thị L là vợ chồng.

2. Án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0004010 ngày 20 tháng 03 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy